

PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP GẮN VỚI DU LỊCH: KINH NGHIỆM TỪ MỘT SỐ HỢP TÁC XÃ Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC, VIỆT NAM

Vũ Thị Hải*, Phí Thị Diễm Hồng, Nguyễn Thị Thùy Dung, Lê Thanh Hà, Trần Minh Huệ

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: vuhaike@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 03.01.2023

Ngày chấp nhận đăng: 15.09.2024

TÓM TẮT

Phát triển hợp tác xã nông nghiệp gắn với du lịch là hướng đi đáp ứng tốt các nguyên tắc phát triển bền vững, nó không chỉ mang lại lợi ích xã hội mà còn về môi trường và kinh tế cho cả địa phương và cá nhân tham gia. Nghiên cứu này nhằm tổng kết kinh nghiệm từ một số mô hình hợp tác xã nông nghiệp gắn với du lịch tại ba tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc, Việt Nam. Dữ liệu được thu thập từ phỏng vấn sâu cán bộ quản lý hợp tác xã và thảo luận nhóm có sự tham gia của thành viên hợp tác xã. Kết quả chỉ ra, bên cạnh những lợi thế về nguồn lực, lợi ích “kép” cho cộng đồng và thành viên, mô hình hợp tác xã nông nghiệp gắn với du lịch vẫn còn hạn chế về quy mô, vướng mắc trong phát triển cơ sở hạ tầng cho du lịch và thiếu hụt kiến thức du lịch và kỹ năng tiêu thụ nông sản. Vì vậy để thúc đẩy mô hình này, ngoài hoàn thiện chính sách pháp lý để tháo gỡ hạn chế về quy mô, tăng vốn thì việc nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, thành viên hợp tác xã cả về kiến thức du lịch và kỹ năng tiêu thụ nông sản nên được các bên liên quan ưu tiên thực hiện.

Từ khóa: Du lịch, hợp tác xã nông nghiệp, phát triển hợp tác xã nông nghiệp.

Development of Agricultural Cooperatives Associated with Tourism: Experience from Some Cooperatives in the Northern Mountainous Area, Vietnam

ABSTRACT

Developing agricultural cooperatives associated with tourism is a way to meet the principles of sustainable development, it not only brings social benefits but also environmental and economic benefits to both the members and community. This study aimed to summarize experiences from three agricultural cooperatives models associated with tourism in three provinces in the Northern mountainous region of Vietnam. The information were collected from in-depth interviews with cooperative managers and group discussions with cooperative members. The results show that, besides the advantages in resources and “double” benefits for the community and members, the model of agricultural cooperatives associated with tourism still faced various obstacles not only in business size and running capital but also tourism knowledge and agricultural product promotional skills of members. Therefore, to promote this model, it is necessary to focus on improving either the capacity of managers and cooperative members, especially in tourism knowledge and selling skills or perfecting legal policies of land scale and equity.

Keywords: Tourism, agricultural cooperatives, agricultural cooperative development.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) là mô hình kinh tế tập thể nhằm mục tiêu tăng khả năng tiếp cận, kết nối thị trường đầu vào, đầu ra, gia tăng thu nhập, đảm bảo an sinh xã hội,... cho thành viên tham gia hợp tác xã (HTX) (Hoàng Vũ Quang, 2021). Phát triển HTXNN nói riêng và HTX nói chung là chủ trương nhất

quán và xuyên suốt những năm qua của Đảng và Nhà nước Việt Nam, đặc biệt sau Nghị quyết số 13-NQ/TW và Luật HTX năm 2012. Tính đến 31/12/2022, cả nước có 19.431 HTXNN, chiếm khoảng 67% tổng số HTX của cả nước (Thy Lê, 2023). Trong đó, phát triển HTXNN theo hướng dịch vụ đa ngành, bao gồm dịch vụ du lịch là nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển HTX giai đoạn 2021-2030 (Quyết định 340/QĐ-

TTg ngày 26/3/2021) nhằm cụ thể hóa chủ trương phát triển HTX theo Nghị quyết số 13-NQ/TW. Tuy nhiên hiện cả nước mới có từ 3-5% tổng số trang trại, HTXNN có kết hợp thêm hoạt động du lịch (Vân Nhi, 2020).

Hoạt động nông nghiệp kết hợp với dịch vụ du lịch đã và đang xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm hay du lịch cộng đồng. Sự kết hợp hoạt động du lịch trong sản xuất kinh doanh của HTX góp phần tích cực vào giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường (Aref & Gill, 2009), góp phần giải quyết những xung đột nội tại, mang lại lợi ích cho cả HTX, thành viên và cộng đồng địa phương (Lù Anh Dũng & cs., 2021). Tuy nhiên, hiện nay tại Việt Nam các mô hình HTXNN gắn với du lịch vẫn còn hạn chế trong tổ chức, quản lý, điều hành, phát triển sản phẩm, chia sẻ lợi ích... (Phạm Văn Lợi, 2021; Lù Anh Dũng & cs., 2021).

Tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, với đặc trưng về tài nguyên thiên nhiên, sự đa dạng của văn hóa, phong tục tập quán, lễ hội, ẩm thực của nhiều dân tộc cùng sinh sống tạo ra tiềm năng, lợi thế cho phát triển du lịch (Đặng Thị Nhuận & cs., 2014; Đinh Thị Thu Thảo, 2017; Lù Anh Dũng & cs., 2021). Mô hình HTXNN gắn với du lịch được xem là mô hình kinh tế phù hợp góp phần đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho người dân nơi đây (Nguyễn Ngọc Bảo, 2020). Trên cơ sở đánh giá thực trạng một số mô hình HTXNN có cung cấp dịch vụ du lịch tại một số tỉnh miền núi phía Bắc làm minh chứng, bài viết tập trung làm rõ những ưu thế cũng như nhận diện các bài học thành công từ các mô hình này. Kết quả nghiên cứu được kỳ vọng sẽ là một tài liệu hữu ích cho các nghiên cứu tiếp theo và là cơ sở để các bên liên quan (HTX, cơ quan quản lý) tham khảo cho mục tiêu phát triển HTX gắn với du lịch nói chung và du lịch nông nghiệp nói riêng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

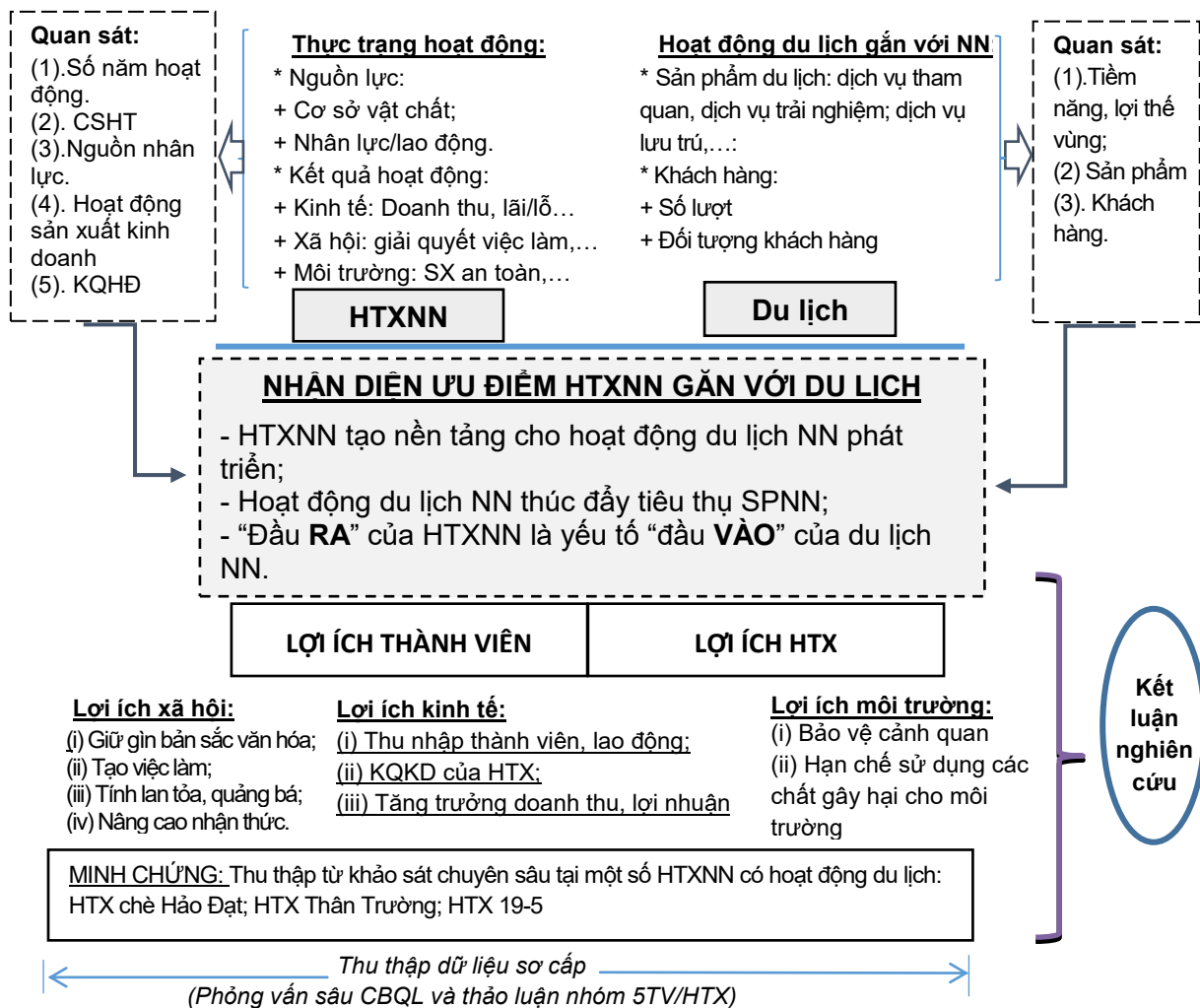
Sơn La, Thái Nguyên, Bắc Giang là ba tỉnh được lựa chọn trong nghiên cứu vì đây là những địa phương có lợi thế trong phát triển SXNN, có

vùng nguyên liệu, có tiềm năng phát triển du lịch (Thu Hoa, 2021) đồng thời là ba tỉnh có số lượng HTX nhiều nhất ở khu vực miền núi phía Bắc giai đoạn 2018-2022 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023). Ba mô hình HTX được lựa chọn phân tích ở ba tỉnh gồm HTX chè Hảo Đạt (Thái Nguyên), HTX Thân Trường (Bắc Giang) và HTX 19-5 (Sơn La) là 03 HTXNN đã có các hoạt động du lịch gắn với hoạt động của HTX ở địa bàn, đây cũng là 03 mô hình điển hình trong phát triển nông nghiệp gắn với du lịch trên địa bàn tỉnh trên cơ sở tham khảo ý kiến chuyên gia là cán bộ Liên minh HTX tỉnh và cán bộ Sở NN&PTNT tỉnh.

Số liệu thứ cấp được thu thập chính dựa trên các nghiên cứu trước trên hệ thống dữ liệu mở (internet data) và thư viện tại các trường đại học theo hai chủ đề chính: phát triển HTXNN và du lịch. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn sâu đại diện ban giám đốc và kế toán HTX, thảo luận nhóm 5 thành viên/HTX và kết hợp quan sát thực địa, tập trung vào các nội dung về: đặc điểm nguồn lực, sản phẩm của HTX; tiềm năng, lợi thế, tổ chức hoạt động, kết quả hoạt động của HTXNN và du lịch Trên cơ sở đó tiến hành phân tích để nhận diện các ưu điểm trong phát triển mô hình HTXNN gắn với du lịch. Tiếp đó, nghiên cứu tiến hành thu thập số liệu sơ cấp để minh chứng cho các ưu điểm xác định được từ mô hình thực tiễn. Lợi ích của mô hình HTXNN gắn với du lịch mang lại cho HTX, “cộng đồng” thành viên được đánh giá trên ba khía cạnh: (i). Lợi ích về xã hội; (ii) Lợi ích kinh tế và (iii) Lợi ích môi trường. Quá trình này được thể hiện thông qua sơ đồ khung tiếp cận như hình 1.

Các chỉ tiêu quan sát được về thực trạng phát triển HTX gắn với du lịch được chia thành 2 nhóm: (1) Hiện trạng phát triển HTX (gồm số năm thành lập, nguồn lực sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động và tiềm năng du lịch như sản phẩm OCOP,...) và (2) Hoạt động du lịch gắn với nông nghiệp (hình thức thực hiện; sản phẩm cung ứng và khách hàng sử dụng). Để có cơ sở đối sánh và nhận diện các ưu điểm của mô hình, đối với từng HTX nghiên cứu ngoài phỏng vấn sâu đại diện ban giám đốc và kế toán HTX, còn tiến hành thực hiện khảo sát thông qua thảo luận nhóm 5 thành viên/HTX.

Phát triển hợp tác xã nông nghiệp gắn với du lịch: Kinh nghiệm từ một số hợp tác xã ở khu vực miền núi phía Bắc, Việt Nam



Hình 1. Khung tiếp cận phát triển hợp tác xã nông nghiệp gắn với du lịch

Các thông tin thu thập chính theo các chỉ tiêu (nhóm chỉ tiêu) được thiết kế sẵn (Hình 1) ở cả hai dạng định lượng (số tuyệt đối ở năm hiện tại) và định tính (xu hướng thay đổi, tỷ lệ thay đổi) so với thời điểm HTXNN có thêm hoạt động du lịch.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Lợi thế phát triển hợp tác xã nông nghiệp gắn với du lịch từ các mô hình điểm

3.1.1. Nguồn lực của hợp tác xã nông nghiệp là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch

(1) *Nguồn lực của HTXNN* (diện tích sản xuất kinh doanh, cơ sở hạ tầng, nhân lực) là điều kiện nền tảng để phát triển du lịch:

HTXNN với lợi thế về quy mô đến từ sự tham gia tự nguyện, đóng góp của các thành viên, trong khi hoạt động du lịch luôn cần mặt bằng diện tích nhất định để thực hiện, phát triển các sản phẩm du lịch như du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái...

Thực tế tại ba mô hình khảo sát cho thấy cả ba HTX đều có diện tích vùng nguyên liệu khá rộng (Bảng 1), canh tác theo quy trình VietGap, ngoài ra còn có khu sơ chế, chế biến sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của HTX, đây được xem là tiền đề để HTX phát triển dịch vụ du lịch thăm quan, trải nghiệm hoặc kết hợp. Ngoài ra, với vốn, tài sản tích lũy từ hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp, hoặc huy động từ thành viên, HTX có nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng cho dịch vụ du lịch, cụ thể:

HTX chè Hảo Đạt: Với 55ha diện tích chè nguyên liệu, trong đó 10ha đạt tiêu chuẩn SX theo quy trình VietGap, quy mô nhà xưởng hiện đại với diện tích 2.000m², trong đó có không gian văn hóa trà gồm khu nhà gỗ 5 gian biệt lập với nhà xưởng SX, bao quanh là vùng chè với các tiểu cảnh để khách tham quan, chụp ảnh, trải nghiệm các hoạt động SX, sơ chế, chế biến chè và văn hóa thưởng trà.

HTX Thân Trường: Ngoài diện tích SXNN, nhà xưởng chế biến có thể phục vụ cho du khách trải nghiệm, HTX có cơ sở hạ tầng phục vụ cho khách lưu trú, ăn uống với 6 nhà sàn, một khu nhà hàng ăn uống với tổng diện tích trên 1.500m².

HTX 19-5: Bên cạnh diện tích SXNN của thành viên (chính thức và liên kết), nhà xưởng sơ chế, chế biến, hầm ủ rượu... HTX có 3 nhà sàn cộng đồng, 10 bungalow container với tổng diện tích khoảng 600m² phục vụ cho khách lưu trú/dịch vụ homestay; có khu nhà ăn, lễ tân/đón tiếp và khu vực đồi chè cho khách thăm quan

trải nghiệm, với tổng diện tích phục vụ cho du lịch hơn 1ha.

(2) *Nguồn nhân lực của HTXNN thúc đẩy hoạt động du lịch:*

Khi phát triển sang mảng du lịch, HTXNN có lợi thế về bộ máy quản lý, nguồn nhân lực để tổ chức hoạt động du lịch hiệu quả so với mô hình hộ hoặc mô hình mới thành lập. Tại ba mô hình khảo sát, ban lãnh đạo đều là những người được đào tạo bài bản, có kỹ năng tốt nắm bắt lợi thế, cơ hội phát triển cho thành viên và HTX, cụ thể: 100% ban lãnh đạo HTX Thân Trường tốt nghiệp đại học, độ tuổi bình quân 33; HTX 19-5 có giám đốc là người rất năng động và có uy tín; trong khi đó HTX chè Hảo Đạt có giám đốc là nữ, có kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh chè và có uy tín đối với thành viên. Ở cả ba HTX, ban lãnh đạo đều nhận thấy tiềm năng, lợi thế của vùng, kết hợp với tiềm lực sẵn có của HTX để phát triển du lịch bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp của HTX.

Bảng 1. Hiện trạng của HTXNN khảo sát

| Diễn giải | Đơn vị tính | HTX chè Hảo Đạt | HTX Thân Trường | HTX 19-5 |
|--|----------------|--|---|---|
| <i>Nguồn lực của HTX</i> | | | | |
| Số người trong ban quản lý | Người | 5 | 3 | 5 |
| Trong đó, tỷ lệ trình độ đại học | % | 20 | 100 | 40 |
| Số thành viên chính thức | Người | 30 | 9 | 50 |
| Số thành viên liên kết | Người | 50 | 22 | 200 |
| Diện tích vùng nguyên liệu | ha | 55 | 25 | 130 |
| Diện tích nhà xưởng | m ² | 2.000 | 500 | 4.000 |
| Vốn góp khi mới thành lập | Triệu đồng | 300 | 1.900 | 4.500 |
| Tổng tài sản hiện tại | Triệu đồng | 5.990 | 21.000 | 70.000 |
| <i>Kết quả hoạt động</i> | | | | |
| Sản lượng sản phẩm tiêu thụ | Tấn/năm | 300 | 150 | 900 |
| Sản phẩm nông nghiệp | | Chè và các sản phẩm chế biến từ chè | Chè và các sản phẩm chế biến từ chè | Rau, củ, quả tươi theo mùa; sản phẩm từ chăn nuôi; sản phẩm chế biến từ quả (mứt, rượu, hoa quả sấy)... |
| Doanh thu hiện tại | Triệu đồng/năm | 12.100 | 12.000 | 23.500 |
| Trong đó, tỷ lệ doanh thu trực tiếp từ du lịch | % | 0 | 30 | 20-25 |
| Sản phẩm du lịch | | - Thăm quan, trải nghiệm văn hóa trà - Hội thảo, hội nghị | - Thăm quan, trải nghiệm; - Lưu trú, ăn uống | - Thăm quan, trải nghiệm; - Lưu trú, ăn uống - Thăm quan, trải nghiệm kết hợp hội thảo, hội nghị... |
| Lượng du khách | Lượt khách/năm | 7.000 | 30.000 | 4.500 |

Ghi chú: Phỏng vấn sâu ban lãnh đạo HTX (2023).

Ngoài ra, thành viên HTX (chính thức và liên kết) bình cạnh trực tiếp sản xuất kinh doanh nông nghiệp, cũng sẽ tham gia hướng dẫn du khách các hoạt động trải nghiệm SX nông nghiệp (HTX chè Hảo Đạt, HTX Thân Trường), hoặc phục vụ các dịch vụ lưu trú, ăn uống (HTX Thân Trường, HTX 19-5), trải nghiệm văn hóa bản địa (hát Sinh Ca Cao Lan - HTX Thân Trường; ẩm thực địa phương). Sự tham gia trực tiếp của ban lãnh đạo và thành viên với vai trò vừa làm chủ, vừa kiểm soát chất lượng dịch vụ, là lợi thế của mô hình HTX so với mô hình doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển du lịch.

(3) *Vai trò kết nối - “nguồn lực mềm” của HTX cho phát triển du lịch:* HTX đóng vai trò là cầu nối, thực hiện liên kết, kết nối các thành viên với nhau, kết nối hoạt động của HTX với các tác nhân từ chính quyền địa phương, các tổ chức, cơ quan hỗ trợ, đến các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ du lịch. Đây là một ưu thế trong phát triển du lịch, bởi rất khó thực hiện trong quy mô kinh tế hộ nhỏ lẻ. Về phía đầu ra, HTX 19-5 và HTX Thân Trường thực hiện liên kết, hợp tác với các công ty vận hành du lịch, các công ty lữ hành để xây dựng, giới thiệu sản phẩm du lịch đến du khách. Về phía đầu vào, HTX thực hiện liên kết với các HTX, các trang trại, công ty, khu SX, hộ, thành viên liên kết trên địa bàn để mở rộng sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu của du khách.

3.1.2. Tiềm năng, lợi thế của vùng là nền tảng để thu hút khách và phát triển các sản phẩm du lịch

Tiềm năng, lợi thế của vùng như các danh lam thắng cảnh đẹp (Cao nguyên Mộc Châu, thác Dải Yếm, hồ Núi Cốc...), hệ thống di tích lịch sử, di sản văn hóa đa dạng; văn hóa bản địa của dân tộc Thái, H'Mông, Cao Lan... gắn với nếp sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp (ruộng bậc thang), ẩm thực đặc trưng (Cốm nếp Mường Tấc, nộm da trâu của người Thái, món cá nướng - món Pa pỉnh tộp của người Thái,...); các lễ hội... đã tạo nên những lợi thế cho các chủ thể trong đó có HTX nông nghiệp phát triển du lịch nói chung, du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng nói riêng.

3.1.3. Sản phẩm của hợp tác xã nông nghiệp là nguồn đầu vào cho hoạt động du lịch

Nếu hoạt động đơn lẻ, thì các sản phẩm cung ứng cho hoạt động du lịch sẽ không đa dạng, chất lượng sản phẩm khó kiểm soát. Hướng đến SX sản phẩm chất lượng, theo quy trình VietGAP, kiểm soát chặt chẽ quy trình SX của thành viên, cả ba HTX đều có các sản phẩm đạt OCOP 4 sao (chè của HTX Thân Trường, các sản phẩm quả sấy, rượu... của HTX 19-5), chè OCOP 5 sao (HTX Hảo Đạt), các sản phẩm được chế biến sâu, đa dạng, nhiều dòng sản phẩm bên cạnh sản phẩm chính như kẹo, bột trà, trà túi lọc... (đối với 2 HTX trà); mứt, rượu hoa quả, nước ép hoa quả... (HTX 19-5). Những sản phẩm này vừa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trực tiếp của du khách, quá trình sản xuất ra các sản phẩm này vừa là môi trường, “đầu vào” cho phát triển các sản phẩm du lịch thăm quan, trải nghiệm như: trải nghiệm quy trình sản xuất chè (HTX Hảo Đạt, HTX Thân Trường), thăm quan mô hình sản xuất, chế biến rượu (HTX 19-5)...

Bên cạnh phát triển sản phẩm du lịch gắn với SX nông nghiệp, các HTX có cung cấp hội trường, địa điểm cho các đoàn thăm quan mô hình, tổ chức hội nghị/hội thảo; cung cấp dịch vụ ăn uống... (HTX 19-5; HTX chè Hảo Đạt) và các tiểu cảnh để khách check in, chụp ảnh.

3.1.4. Hoạt động du lịch tăng lợi ích cho thành viên và hiệu quả hoạt động của hợp tác xã

Xuất phát điểm từ SXNN, các HTX mở rộng sản phẩm du lịch theo các mức độ khác nhau. HTX Chè Hảo Đạt, hoạt động chính là SX, chế biến trà, hoạt động trải nghiệm không gian văn hóa trà nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp của HTX, không thu phí. Đối với HTX 19-5 và Thân Trường, ngoài dịch vụ thăm quan, trải nghiệm hoạt động SXNN của HTX và thành viên, du khách còn được cung cấp dịch vụ ăn uống, lưu trú qua đêm kèm các sản phẩm trải nghiệm văn hóa, ẩm thực bản địa. Có thể thấy, hoạt động du lịch đều đã có những tác động tích cực đến kết quả, hiệu quả hoạt động của HTX nói riêng và lợi ích của thành viên, cộng đồng nói chung (Bảng 2 và Hình 2).

HTX chè Hảo Đạt: thuộc xã Tân Cương, vùng chè nổi tiếng của Thái Nguyên mệnh danh “Đệ nhất danh trà”, nằm trên tuyến đường vào Khu du lịch quốc gia hồ Núi Cốc, HTX đã khai thác được lợi thế vùng, kết hợp sản xuất tạo ra sản phẩm chất lượng với phát triển sản phẩm du lịch trải nghiệm văn hóa trà từ năm 2019.

HTX Thân Trường: Tân dụng lợi thế vùng với hơn 90% là người dân tộc Cao Lan, có truyền thống trồng chè lâu năm, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, mát mẻ, có nhiều suối, thác, núi rừng cụ Đê, đồi chè xanh mướt, đình làng Xuân Lung... và ẩm thực của người dân tộc Tày, làn điệu dân ca truyền thống: Sinh ca Cao Lan, năm 2021 HTX đã phát triển thêm sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh chè.

HTX 19-5: Phát huy lợi thế vùng Cao nguyên Mộc Châu với các điểm du lịch nổi tiếng như đồi chè Trái tim, thác Dải Yếm, Cầu Kính tình yêu, Rừng thông bản Áng, suối nước nóng (Mường Khoa, Phu Mao, Bản Bó, Hua Păng...). Văn hóa, tập quán, lễ hội, ẩm thực của các dân tộc như Thái, Mường, Mông, Dao, Xinh Mun, Khơ Mú... ẩm thực địa phương như: cơm lam, mèn mèn (H'mong), cá Pỉnh tộp (Thái), thịt hun khói, măng lay..., vũ điệu Lăm vông, khèn lá, đàn môi..., HTX đã phát triển thêm sản phẩm du lịch trong mô hình sản xuất kinh doanh của mình.

Ghi chú: Phỏng vấn sâu kết hợp tổng hợp tài liệu (2022).

Hộp 1. Phát huy lợi thế vùng/địa phương để phát triển du lịch

Bảng 2. Hiệu quả của HTXNN gắn với du lịch

| Chỉ tiêu | ĐVT | HTX Hảo Đạt | HTX Thân Trường | HTX 19-5 |
|--|------------------|-------------|-----------------|----------|
| Sự tăng trưởng về sản lượng sản phẩm tiêu thụ* | % | 20 | 15 | 17 |
| Sự tăng trưởng về doanh thu* | % | 5 | 10 | 15 |
| Lợi nhuận hiện tại | Triệu đồng/năm | 328 | 270 | 1.850 |
| Mức tăng về lợi nhuận so với trước khi có du lịch | Lần | 1,2 | 1,5 | 1,7 |
| Thu nhập bình quân lao động | Triệu đồng/tháng | 5,5-6,5 | 6,0-7,0 | 6,5-15 |
| Tạo việc làm | Lao động/năm | | | |
| Thường xuyên | | 30 | 15 | 37 |
| Thời vụ | | 50-60 | 25-35 | 70-80 |
| Thu nhập bình quân hộ thành viên | Triệu đồng/ha | N/A | 200 | 300-500 |
| Mức tăng thu nhập của hộ so với trước khi có du lịch | Lần | N/A | 1,2 | 1,5 |

Ghi chú: *: Ước tính mức tăng bình quân/năm từ khi có dịch vụ du lịch; Phỏng vấn sâu cán bộ quản lý HTX (2023)

Thành viên và ban quản lý ở 3 HTX khảo sát đều cho rằng, hoạt động du lịch góp phần tăng thu nhập cho thành viên, tạo thêm việc làm cho lao động địa phương kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu được chỉ ra bởi Aktürk & Demir (2021) và Mohamad & Hamzah (2013). Với HTX Thân Trường, điểm tác động lớn nhất của hoạt động du lịch đến thành viên HTX là thay đổi đáng kể tư duy SX, từ tư duy SX theo số lượng sang tập trung vào chất lượng, sản xuất đúng

quy trình VietGAP, theo hướng giảm sử dụng chất có hại cho môi trường cũng được nâng cao. Tương tự vậy, HTX 19-5, du lịch là một trong 4 mảng hoạt động chính của HTX bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi, chế biến và cung ứng đầu vào, tư vấn kỹ thuật cho thành viên theo mô hình kinh tế tuần hoàn, đầu ra của hoạt động này là đầu vào cho hoạt động khác, phụ phẩm từ nông nghiệp được tận dụng tối đa cho các hoạt động, hạn chế phát thải ra môi trường (Vu Thi Hai & cs., 2023).

Tính lan tỏa của mô hình được xem là tác động lớn nhất của du lịch đến HTX theo đánh giá của HTX 19-5 và Hào Đạt. Thông qua hoạt động du lịch, hình ảnh của HTX, sản phẩm, thương hiệu được biết đến rộng rãi hơn, từ đó các mối quan hệ và liên kết của HTX với các bên cũng tăng lên. Ngoài ra, qua hoạt động du lịch cũng góp phần bảo tồn, quảng bá nét văn hóa truyền thống của địa phương, cảnh quan môi trường và cơ sở hạ tầng thay đổi theo chiều hướng tích cực.

3.2. Khó khăn trong phát triển HTXNN gắn với du lịch và bài học kinh nghiệm từ các mô hình điểm

3.2.1. Khó khăn trong phát triển hợp tác xã gắn với du lịch

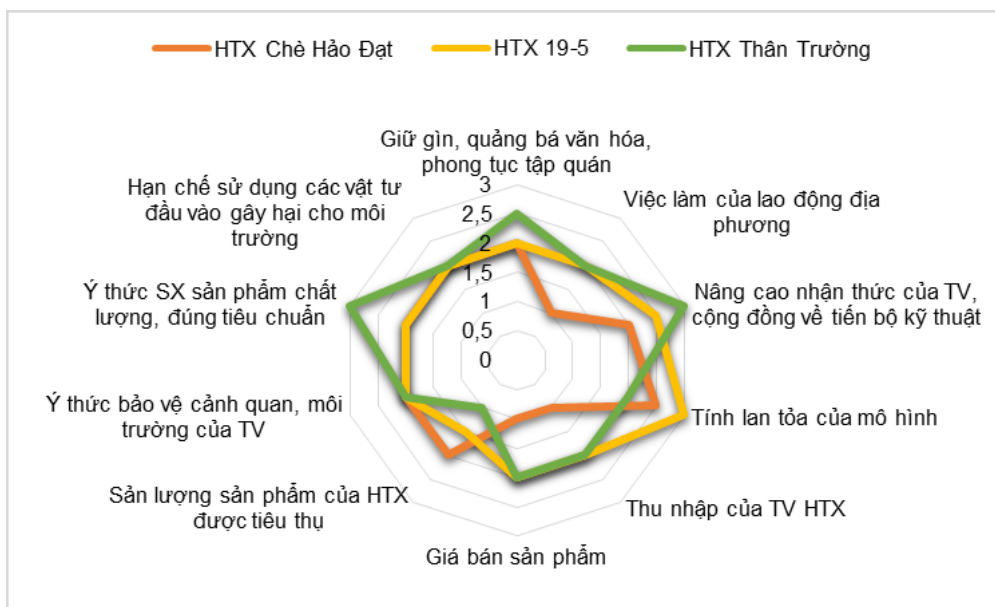
Yếu tố nguồn lực của HTX là điều kiện thúc đẩy phát triển dịch vụ du lịch, tuy nhiên, ở cả ba mô hình khảo sát, các HTX cũng vẫn đang gặp các khó khăn về nguồn lực để mở rộng và phát triển hơn nữa dịch vụ du lịch, cụ thể:

(1) Vướng mắc trong chính sách đất đai, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch: ở cả ba mô hình khảo sát, các HTX đều gặp vướng mắc về chính sách đất đai, khi chuyển mục đích NN sang làm du lịch, cụ thể các HTX không được

xây dựng cơ sở hạ tầng (khu lưu trú, nhà hàng phục vụ ăn uống...) hoặc nhà kiên cố trong khu vực đất SXNN kết hợp phục vụ cho du lịch; hoặc việc xây dựng đường nội bộ, các điểm tham quan, trạm dừng nghỉ... ở khu vực SXNN để phục vụ du lịch cũng không có các văn bản hướng dẫn, cho phép.

(2) Vốn của HTX để đầu tư du lịch: cả ba mô hình đều gặp khó khăn về thiếu vốn để đầu tư, mở rộng cơ sở hạ tầng để phát triển dịch vụ du lịch; Tài sản của HTX phần lớn là đất sản xuất nông nghiệp, tài sản có giá trị thế chấp để vay ngân hàng không đáng kể, HTX không tiếp cận được nguồn vốn.

(3) Kiến thức, kỹ năng về du lịch của thành viên HTX và người lao động nói chung còn hạn chế: Mặc dù có kinh nghiệm, đã tham gia tập huấn làm du lịch nhưng xuất phát điểm là nông dân, thói quen làm du lịch chưa có. Ở cả 3 mô hình HTX khảo sát điểm cũng cho thấy mặc dù các thành viên thuần thục về sản xuất nông nghiệp, hiểu rõ văn hóa bản địa, nhưng lại thiếu kinh nghiệm, kiến thức nghiệp vụ du lịch, kỹ năng phục vụ khách hàng. Đây cũng là khó khăn chung trong phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay (Đoàn Mạnh Cường, 2023).



Ghi chú: 0: Không thay đổi/không tác động; 1: Tăng ít; 2: Tăng nhiều; 3: Tăng rất nhiều;

Hình 2. Tác động của du lịch đến lợi ích của thành viên và cộng đồng (năm 2023)

3.2.2. Bài học kinh nghiệm

Ba mô hình HTX khảo sát, mặc dù vẫn có hạn chế nhất định nhưng đều có những bài học thành công có thể áp dụng cho các HTXNN hướng đến phát triển du lịch như sau:

Thứ nhất, vai trò của cán bộ quản lý, điều hành quyết định sự thành công của HTX. Ban quản trị nói chung và cá nhân giám đốc HTX nói riêng luôn chủ động định hướng phát triển, đồng thời thực hiện điều hành bằng quy ước, văn bản quy chế chung của HTX một cách nghiêm túc, công khai và minh bạch, lôi kéo được sự ủng hộ và đoàn kết tham gia từ các thành viên HTX. Bộ máy lãnh đạo có năng lực, có quyết tâm, ham học hỏi và đổi mới; cùng với đội ngũ thành viên HTX hiểu, đoàn kết và có trách nhiệm.

Thứ hai, tận dụng, khai thác lợi thế về điều kiện địa hình, khí hậu, danh lam thắng cảnh, đặc thù văn hóa, ẩm thực, phong tục, tập quán của địa phương, kết hợp với tự đánh giá nguồn lực của HTX, để phát triển hiệu quả. Phát triển có định hướng, kế hoạch, tránh phát triển theo phong trào, thấy các HTX khác làm được, HTX mình cũng làm theo, mà không có lợi thế, nét riêng đặc trưng, gắn với phát triển các sản phẩm thuộc thế mạnh của HTX... Cả ba mô hình HTX khảo sát đều có các sản phẩm chế biến sâu, khác biệt so với phần lớn HTX trên địa bàn.

Thứ ba, khi phát triển HTX gắn với du lịch nên đi theo mô hình từng bước, phù hợp với điều kiện thực tiễn của HTX. Lấy xuất phát điểm là sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của HTX, hoạt động sản xuất kinh doanh hiện có của HTX, phát triển hoạt động du lịch nhằm giới thiệu/quảng bá sản phẩm nông nghiệp theo hướng du lịch sinh thái, thăm quan, trải nghiệm... hoạt động canh tác, sản xuất kinh doanh của HTX. Dần dần, khi có điều kiện phát triển các nguồn lực cơ sở hạ tầng, lưu trú,... thì mở rộng các dịch vụ/sản phẩm du lịch như lưu trú, ăn uống, nghỉ dưỡng, trải nghiệm... nhằm tăng nguồn thu cho HTX.

Thứ tư, tăng cường liên kết, hợp tác với các công ty du lịch, các đơn vị, HTX, cơ sở sản xuất

kinh doanh và người cung cấp du lịch tại địa phương để mở rộng kênh giới thiệu, quảng bá sản phẩm du lịch, đa dạng các sản phẩm du lịch... Trong trường hợp chưa đủ điều kiện về nguồn lực để phát triển sản phẩm du lịch, việc liên kết giữa các HTX tạo ra nguồn lực tốt hơn để hướng đến phát triển cơ sở hạ tầng, khai thác và phát triển sản phẩm du lịch.

Thứ năm, cần tận dụng lợi thế truyền thông từ các kênh, cấp chính quyền như các chương trình hỗ trợ, quảng bá, giới thiệu sản phẩm; dự án, chiến lược phát triển gắn với khai thác lợi thế vùng miền; các tổ chức phi chính phủ; đến việc tự khai thác các kênh quảng bá trên internet như website, facebook, zalo để đưa các sản phẩm của HTX đến với du khách chi tiết hơn, đa dạng và nổi bật hơn.

Thứ sáu, bản thân HTX cần chủ động tuyên truyền, nâng cao ý thức cho thành viên và người lao động về vai trò của “bản thân - chủ thể” tham gia hoạt động du lịch, cần giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương, đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ, đảm bảo an toàn, có ý thức bảo vệ môi trường và tạo uy tín cho khách du lịch.

3.3. Một số kiến nghị

Với những khó khăn, rào cản nêu trên để giúp thúc đẩy phát triển tốt hơn mô hình HTXNN gắn với du lịch thời gian tới, cần ưu tiên một số nội dung sau:

Một là, Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách cho mô hình HTXNN gắn với du lịch: Trước hết, cần rà soát, đánh giá thực trạng các mô hình HTXNN với du lịch hiện nay; Dựa vào tiềm năng, lợi thế của vùng, bổ sung mô hình phát triển HTXNN gắn với du lịch để quy hoạch, ổn định vùng canh tác phục vụ cho du lịch có định hướng; Xây dựng các cơ chế đặc thù cho phát triển mô hình HTXNN gắn với du lịch, trong đó: (i) Đơn giản hóa thủ tục, tăng hạn mức tín dụng, ưu tiên cho các HTXNN; (ii) Hỗ trợ các HTXNN gắn với du lịch trong kết nối với các điểm, tuyến du lịch, công ty lữ hành... hình thành các tour/sản phẩm du lịch; (iii) Hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho phát triển du lịch: điện, đường,

mạng internet... giảm khó khăn trong cấp phép xây dựng hạ tầng phục vụ du lịch.;

Hai là, Chính quyền địa phương, các cơ quan hỗ trợ (liên minh HTX, phòng Nông nghiệp...) hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ quản lý HTX: bài học từ ba mô hình HTX khảo sát cho thấy vai trò quan trọng của ban lãnh đạo HTX trong phát triển HTXNN nói chung, HTXNN gắn với du lịch nói riêng. Do vậy, việc nâng cao trình độ quản lý, năng lực tư duy, các kỹ năng từ nhận diện vấn đề, xây dựng kế hoạch đến quản lý, điều hành rất cần thiết hiện nay; Bên cạnh các kiến thức quản lý cần tăng cường các khóa/lớp đào tạo, tập huấn ngắn hạn cho thành viên HTX về kiến thức, kỹ năng cơ bản về du lịch; cách thức/kỹ năng quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp cho du lịch của HTX trên các kênh như website, zalo, facebook.

Ba là, trong mỗi HTX, ban lãnh đạo và thành viên HTX cần nhận thức rõ vai trò của mình khi phát triển sản phẩm du lịch, để từ đó, nâng cao ý thức, tăng cường sự tham gia có trách nhiệm trong duy trì quy trình/hoạt động SX truyền thống/đặc trưng của địa phương/HTX; gìn giữ nét riêng; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, phát triển du lịch, du lịch cộng đồng gắn với mô hình HTX nông nghiệp làm gia tăng lớn các lợi ích kép trong phát triển bền vững (nông nghiệp và du lịch), mặc dù ở các mô hình khác nhau, nhưng bản chất này không thay đổi, tùy điều kiện và khả năng cụ thể, các HTX có thể phát triển theo các mô hình khác nhau như: (i) **Hợp tác xã chè Hảo Đạt** - theo hướng tổ chức hoạt động du lịch như một hoạt động chủ đạo để giới thiệu quảng bá sản phẩm đồng thời giúp du khách trải nghiệm các hoạt động sản xuất kinh doanh mà không thu phí từ các hoạt động này; (ii) **Hợp tác xã 19-5**: phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm đa dạng gắn với sản phẩm nông nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX, tạo ra nhiều nguồn thu nhập cho HTX (từ

nông nghiệp và dịch vụ du lịch), trong đó nông nghiệp vẫn là hoạt động chính và (iii) **Hợp tác xã Thân Trường**: phát triển chuyên nghiệp về hoạt động du lịch, du lịch cộng đồng, nhằm đảm bảo sự chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng phục vụ, giữ gìn và phát triển văn hóa bản địa góp phần vào chuyển dịch cơ cấu giá trị SX thông thường sang hoạt động dịch vụ. Việc tháo gỡ các khó khăn vốn; vướng mắc trong cơ chế, chính sách cho phát triển HTXNN gắn với du lịch; kiến thức, kỹ năng... sẽ góp phần thúc đẩy mô hình này sẽ phát triển hơn nữa.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin cảm ơn Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã tài trợ cho nghiên cứu này thông qua Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện mã số T2022-11-43.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aref F. & Gill S.S. (2009). Rural Tourism Development through Rural Cooperatives. 7(10): 68-72.
- Aktürk O. & Demir S.S. (2021). The role of cooperatives in the development of rural tourism: The example of Kuyucak. Journal of Tourism Theory and Research. 7(2): 58-69. doi.org/10.24288/jtr.954835.
- Đoàn Mạnh Cường (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kỷ yếu hội thảo khoa học: Xây dựng tiêu chí đánh giá phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Đặng Thị Nhuận, Dương Quỳnh Phương & Phạm Thanh Tâm (2014). Giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Thái ở Tây Bắc phục vụ cho mục đích phát triển du lịch cộng đồng. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TPHCM. 60: 190-199.
- Đinh Thị Thu Thảo (2017). Phát triển du lịch vùng dân tộc thiểu số và miền núi - Tiềm năng, thách thức. Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc. 20: 94-98.
- Lù Anh Dũng, Hồ Lương Xinh, Hồ Lương Nhật Vinh & Lê Thanh Liêm (2021). Hiện trạng và đề xuất mô hình quản lý phát triển du lịch cộng đồng tại Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Tạp chí Khoa học và Công nghệ TNU. 226(17): 49-57.
- Mohamad N.H. & Hamzah A. (2013). Tourism cooperative for scaling up community-based

- tourism. *Worldwide Hospitality and Tourism Themes*. 5(4): 315-328. doi.org/10.1108/WHATT-03-2013-0017.
- Nguyễn Ngọc Bảo (2020). Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. *Tạp chí Chiến lược và Chính sách dân tộc*. 9(4): 1-6.
- Phạm Văn Lợi (2021). Thực trạng du lịch cộng đồng và nhân lực để phát triển du lịch cộng đồng ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*. 10(1): 136-141.
- Thy Lê (2023). Nghị quyết về phát triển hợp tác xã nông nghiệp: HTX nông nghiệp là mô hình là mô hình kinh tế xã hội quan trọng ở nông thôn. Truy cập từ <https://lmhtx.binhthuan.gov.vn/thong-tin-tuyen-truyen/nghi-quyet-ve-phat-trien-hop-tac-xa-nong-nghiep-hsx-nong-nghiep-la-mo-hinh-kinh-te-xa-hoi-quan-t-638235> ngày 20/7/2023.
- Vân Nhi (2020). Du lịch nông nghiệp chưa phát huy được tiềm năng. Truy cập từ <https://kinhtenongthon.vn/du-lich-nong-nghiep-chua-phat-huy-duoc-tiem-nang-post39153.html> ngày 25/10/2022.
- Vũ Thị Hải, Phí Thị Diễm Hồng, Nguyễn Đăng Học & Trần Quang Trung (2023). Agricultural Cooperatives and Climate Change Adaptation - Case study in Sơn La, Vietnam. *VMOST Journal of Social Sciences and Humanities*. 65(1): 41-53.